TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC X - ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/HS-ST
Ngày 30-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trương Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Vừ A Sinh

ông Lường Văn Hưởng

- Thư ký phiên tòa: bà Giáp Thị Bích Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực X - Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực X - Điện Biên tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực X - Điện Biên, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2025/TLST-HS ngày 17/9/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-HS ngày 19/9/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Sùng Thị X**; giới tính: Nữ; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1975 tại tỉnh Điện Biên. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (cũ) nay là bản N, xã M, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Nghề nghiệp: làm nương; Trình độ học vấn: 0/12; Con ông: Sùng Giống H (đã chết) và bà Giàng Thị S (đã chết); chung sống như vợ chồng với Giàng A H, sinh năm 1975, bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án: không; Tiền sự: không; Chức vụ đảng, chính quyền: không; Nhân thân: chưa bị xử lý hành chính, chưa bị kết án. Tạm giữ, tạm giam: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/6/2025 đến nay. Bị cáo có mặt.

Bị hại: Công ty Cổ phần L; địa chỉ: phường Đ, tỉnh Điện Biên;

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Thanh T, chức vụ: Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Minh N, sinh năm 1982, chức vụ: Phó Giám đốc (theo văn bản ủy quyền ngày 17/02/2025). Có mặt.

Người phiên dịch: ông Dường Văn K, sinh năm 1982; trú tại: bản T, phường Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 12/02/2025, bị cáo Sùng Thị X một mình đi từ nhà lên đám nương của gia đình thuộc khu vực đồi P thuộc xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (cũ), nay là xã M, tỉnh Đ để đốt nương chuẩn bị đất trồng cây rong giềng, khi đi bị cáo mang theo 01 con dao phát và 01 chiếc bật lửa gas. Đến nương, bị cáo châm lửa đốt cây và cỏ khô đã được phát từ nhiều ngày trước, sau đó bị cáo tiếp tục đi phát các đám cây, cỏ khác. Một lúc sau, bị cáo phát hiện đám lửa chỗ đốt nương bùng cháy to và lan rộng ra khu vực xung quanh, bị cáo định dập lửa nhưng do thấy hơi nóng từ ngọn lửa và đang có gió nên bị cáo để mặc và đi xuống lán ruộng dưới chân đồi nghỉ rồi đi về nhà.

Đám cháy sau đó đã lan ra toàn bộ nương nhà bị cáo, cháy sang đám nương xung quanh và sang khu vực trồng cây Mắc ca của Công ty cổ phần L; kết quả kiểm tra xác định diện tích đám cháy tại khu vực trồng cây mắc ca là 10.262m^2, gây thiệt hại 602 cây Mắc ca của Công ty cổ phần L.

Kết luận định giá tài sản số 09/KL ngày 02/6/2025 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: giá trị tài sản bị thiệt hại do vụ cháy ngày 12/02/2025 gây ra đối với 602 cây Mắc ca là: 319.060.000 đồng.

Bị hại Công ty Cổ phần L yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 36.000.000 đồng, bị hại và bị cáo đã thỏa thuận từ tháng 4/2025 bị cáo làm công nhân cho Công ty Cổ phần L và hàng tháng Công ty sẽ trích số tiền 3.000.000 đồng từ tiền công của bị cáo để bồi thường thiệt hại cho Công ty, tính đến tháng 8/2025 bị cáo đã bồi thường được 15.000.000 đồng.

Đối với 01 chiếc bật lửa gas, sau khi đốt nương bị cáo đã bỏ lại trên nương, Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm nhưng không xác định được.

Cáo trạng số 44/CT-VKSKV1 ngày 16/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - Điện Biên truy tố bị cáo Sùng Thị X về tội "Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy" theo Điều 313 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 313; các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Sùng Thị X từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội *"*Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy", không áp dụng hình phạt bổ sung và khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo; về bồi thường thiệt hại: đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 36.000.000 đồng, công nhận bị hại đã bồi thường được 15.000.000 đồng, buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 21.000.000 đồng; về án phí: buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị hại giữ nguyên thỏa thuận về bồi thường thiệt hại trong giai đoạn điều tra và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi đốt nương của mình khi không thực hiện các biện pháp an toàn về phòng cháy và đã gây hậu quả làm thiệt hại về tài sản cho Công ty Cổ phần L. Lời khai của Bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra như: Biên bản kiểm tra, Bản ảnh hiện trường, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá tài sản...

Có đủ cơ sở kết luận, bị cáo Sùng Thị X là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, khoảng 12 giờ ngày 12/02/2025, bị cáo một mình lên khu vực đám nương của gia đình để đốt cây, cỏ mục đích để lấy đất sản xuất nông nghiệp, khi đốt nương bị cáo đã không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn về phòng cháy, chữa cháy, nên khi đốt nương lửa cháy to, lan rộng, bị cáo đã không khống chế, dập tắt được lửa, dẫn đến lửa từ đám nương nhà bị cáo đã cháy lan sang khu vực trồng cây Mắc ca của Công ty Cổ phần L gây thiệt hại 602 cây mắc ca, giá trị thiệt hại theo Kết luận định giá là 319.060.000 đồng.

Hành vi đốt nương của bị cáo khi không thực hiện đầy đủ các quy định về phòng cháy, chữa cháy đã vi phạm khoản 3b Điều 5 của Luật phòng cháy chữa cháy sửa đổi bổ sung năm 2013: "*Cá nhân có trách nhiệm: c) Bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy trong quá trình sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt".*

Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội "*Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy*" theo điểm d khoản 1 Điều 313 của Bộ luật hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về nhân thân: bị cáo chưa bị xử lý hành chính, chưa bị kết án.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo và bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường và bị cáo đã bồi thường được số tiền 15.000.000 đồng cho bị hại nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị hại có văn bản xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất mức độ và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, xét bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và do kém hiểu biết, mục đích bị cáo đốt nương rẫy để sản xuất nông nghiệp; bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và hiện nay bị cáo đang làm việc cho Công ty Cổ phần L để lấy tiền công bồi thường thiệt hại.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo ngoài xã hội, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương cùng gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật, cũng như tại điều kiện để bị cáo sửa chữa lỗi lầm.

[3] Về khấu trừ một phần thu nhập và hình phạt bổ sung:

Theo xác minh của Cơ quan điều tra thấy điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, thu nhập chủ yếu từ làm nông nghiệp ruộng nương, điều kiện kinh tế không có, thu nhập không ổn định, hiện bị cáo đang làm thuê cho Công ty Cổ phần L để lấy tiền công bồi thường thiệt hại cho Công ty, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát miễn khấu trừ một phần thu nhập theo khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 313 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[4] Về bồi thường thiệt hại:

Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 36.000.000 đồng, giữa bị hại và bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bị cáo hợp đồng làm việc cho bị hại để trừ dần tiền công bồi thường cho bị hại, từ tháng 4/2025 đến tháng 8/2025 bị cáo đã bồi thường được số tiền 15.000.000 đồng cho bị hại.

Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo đã bồi thường được số tiền 15.000.000 đồng cho bị hại, bị cáo còn phải bồi thường số tiền 21.000.000 đồng cho bị hại Công ty Cổ phần L.

[5] Về án phí:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, về án phí dân sự các bên tự nguyện thỏa thuận bồi thường trong giai đoạn điều tra nên không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và các điểm a,f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 313 của Bộ luật hình sự năm 2015

1. Tuyên bố: Bị cáo Sùng Thị X phạm tội: *"Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy"*.

2. Hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 313; các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Sùng Thị X 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự nhận được quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo; giao bị cáo Sùng Thị X cho Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

3. Về bồi thường thiệt hại:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Sùng Thị X phải bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần L số tiền 36.000.000 đồng (*ba mươi sáu triệu đồng*).

Công nhận bị cáo đã bồi thường cho Công ty Cổ phần L số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các điểm a, f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch.

5. Kháng cáo: áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự,

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2025).

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền: thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

***Nơi nhận*:**
- VKSND Khu vực X - Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên (PC02);
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Phòng THADS khu vực X - Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh (PV06);
- Lưu: HSVA, HCTP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Anh Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận*:**
- VKSND Khu vực 1- Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên (PC04);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Phòng Giám đốc kiểm tra, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh (PV06);
- Lưu: HSVA, HCTP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Anh Tuấn